

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH



NGUYỄN THANH HUỆ

**QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI KIỂM TOÁN
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số: 9 34 02 01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, NĂM 2023

Công trình được hoàn thành tại:

Học viện Tài chính

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS, TS. Phạm Văn Liên

2. PGS, TS. Nguyễn Đình Hựu

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm
luận án cấp Học viện,
họp tại Học viện Tài chính
vào hồi giờ ngày tháng năm**

Có thể tìm hiểu Luận án tại thư viện:

-

-

-

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Quản lý, sử dụng nguồn tài chính ở các cơ quan nhà nước có liên quan trực tiếp đến hiệu quả kinh tế xã hội do đó phải có sự quản lý, giám sát, kiểm tra nhằm hạn chế, ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng trong khai thác và sử dụng nguồn lực tài chính đồng thời nâng cao hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài chính đó. Sau hơn 29 năm thành lập và phát triển, Kiểm toán nhà nước (KTNN) đã dần khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong hệ thống các công cụ kiểm tra, kiểm soát tài chính nhà nước.

Hàng năm, KTNN sử dụng mức kinh phí khoảng 1.000 tỷ đồng cho nhiệm vụ chi thường xuyên và hàng trăm tỷ đồng vốn đầu tư công. Do đó, việc ngày càng hoàn thiện công tác quản lý tài chính để nguồn kinh phí được sử dụng đảm bảo sự minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả là một nhiệm vụ quan trọng trong tiến trình phát triển bền vững của KTNN. Trong những năm qua, về cơ bản công tác quản lý tài chính tại KTNN đã dần đi vào nề nếp và có những bước thay đổi, tiến bộ đáng kể. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm thành công thì công tác quản lý tài chính tại KTNN vẫn còn có một số bất cập nên cần phải có nghiên cứu sâu về lý luận và thực tiễn để đưa ra các giải pháp khắc phục những hạn chế nhằm hoàn thiện hơn nữa việc quản lý tài chính trong thời gian tới.

Nhận thức được vấn đề trên, với vai trò là một cán bộ làm việc KTNN, tác giả lựa chọn vấn đề “*Quản lý tài chính tại Kiểm toán nhà nước Việt Nam*” làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Đề xuất các giải pháp có căn cứ khoa học, có tính khả thi nhằm hoàn thiện quản lý tài chính tại KTNN Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2040.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề lý luận về quản lý tài chính tại Cơ quan nhà nước, từ đó đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phù hợp với đơn vị được nghiên cứu thực tiễn là Kiểm toán nhà nước Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý tài chính tại cơ quan nhà nước.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Quản lý tài chính tại KTNN về quản lý nguồn thu tài chính, quản lý chi thường xuyên, quản lý việc trích lập và sử dụng các quỹ của KTNN theo quy trình quản lý tài chính gồm các nội dung: lập kế hoạch

tài chính, thực hiện kế hoạch tài chính, quyết toán tài chính và thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính nội bộ.

- Phạm vi về không gian: Nghiên cứu việc quản lý tài chính tại KTNN, trong đó tập trung vào Văn phòng KTNN (đơn vị dự toán cấp I) và 13 KTNN khu vực (các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước).

- Phạm vi về thời gian: Nghiên cứu thực trạng quản lý tài chính tại KTNN trong giai đoạn 2017 đến 2022 kể từ khi Luật NSNN năm 2015 có hiệu lực. Các giải pháp đề xuất áp dụng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2040.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận nghiên cứu dựa trên quan điểm lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử Mác Lênin.

Các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể sử dụng bao gồm: Tổng hợp, thống kê, phân tích, so sánh, gửi phiếu khảo sát ý kiến.

5. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính luận án được kết cấu thành 03 chương như sau:

Chương 1: Lý luận và kinh nghiệm về quản lý tài chính tại cơ quan nhà nước

Chương 2: Thực trạng quản lý tài chính tại Kiểm toán nhà nước Việt Nam

Chương 3: Hoàn thiện quản lý tài chính tại Kiểm toán nhà nước Việt Nam

Chương 1

LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1.1. TÀI CHÍNH TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1.1.1. Cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước (CQNN) là tổ chức mang quyền lực nhà nước được thành lập và có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Nhà nước

1.1.2. Tài chính tại cơ quan nhà nước

Tài chính tại cơ quan nhà nước là tổng thể các hoạt động thu, chi bằng tiền gắn liền với quá trình tạo lập và sử dụng các nguồn tài chính phục vụ cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và cung cấp dịch vụ công của cơ quan nhà nước.

1.2. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1.2.1. Khái niệm

Theo cách tiếp cận của tác giả, xét về quy trình tạo lập và sử dụng các nguồn tài chính, Quản lý tài chính tại cơ quan nhà nước là quá trình tạo lập, sử dụng các nguồn tài

chính thông qua lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát hoạt động tài chính theo cơ chế quản lý tài chính của Nhà nước nhằm đảm bảo nguồn tài chính cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và đạt được các mục tiêu hoạt động của cơ quan nhà nước.

1.2.2. Nội dung quản lý tài chính tại cơ quan nhà nước

1.2.2.1. Lập kế hoạch tài chính

Hàng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn lập dự toán của Bộ Tài chính và hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên, căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ của năm trước và dự kiến cho năm kế hoạch, cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ lập dự toán thu chi tài chính theo đúng quy định, trong đó xác định và thể hiện rõ dự toán chi quản lý hành chính đề nghị giao thực hiện chế độ tự chủ và dự toán chi ngân sách giao không thực hiện chế độ tự chủ theo mẫu dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên.

1.2.2.2. Thực hiện kế hoạch tài chính

Các đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31/12 năm trước. Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách. Trường hợp phát hiện việc phân bổ

không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại.

1.2.2.3. Quyết toán tài chính

Kết thúc năm tài chính, các cơ quan nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện khóa sổ kế toán. Rà soát, thực hiện nộp các khoản phải nộp ngân sách nhưng chưa nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp chưa kịp làm thủ tục nộp vào ngân sách năm hiện hành mà chuyển nộp vào ngân sách năm sau, thì hạch toán và quyết toán vào nguồn tài chính năm sau.

1.2.2.4. Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính nội bộ

Khi xét duyệt, thẩm định, thanh tra, kiểm toán, tổng hợp báo cáo quyết toán của cơ quan nhà nước hằng năm, nếu phát hiện các khoản chi sai chế độ hoặc không đủ điều kiện quyết toán, thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý như sau: Nếu chi sai thì phải thu hồi đủ cho ngân sách; nếu chưa đủ điều kiện quyết toán thì phải hoàn chỉnh thủ tục quyết toán theo quy định. Việc kiểm toán, thanh tra quyết toán báo cáo quyết toán của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm toán nhà nước, thanh tra và Luật NSNN. Khi nhận được kiến nghị, kết luận của cơ quan Kiểm toán nhà nước,

cơ quan thanh tra, kiểm tra, các cơ quan có thẩm quyền phải xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

1.2.5. Tiêu chí đánh giá quản lý tài chính tại cơ quan nhà nước

1.2.5.1. Tiêu chí mang tính định lượng: Tỷ lệ thực hiện dự toán thu, chi tài chính hàng năm, Tỷ lệ giữa số dự toán được duyệt so với dự toán do các đơn vị lập, Tỷ lệ giữa số được quyết toán và kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán, Tốc độ tăng/giảm dự toán thu chi tài chính hàng năm, Số tiết kiệm chi thường xuyên để trích lập các Quỹ.

1.2.5.2. Tiêu chí mang tính định tính: Việc tuân thủ quy trình, các quy định về quản lý tài chính, Tình hình thực hiện công khai dự toán thu, chi tài chính và quyết toán đã được cấp có thẩm quyền duyệt.

1.2.6. Những nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính tại cơ quan nhà nước

a/ Nhân tố chủ quan: Cơ cấu tổ chức của cơ quan nhà nước, Hệ thống văn bản về quản lý tài chính do cơ quan nhà nước ban hành, Tổ chức bộ máy quản lý tài chính, Trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức quản lý tài chính, Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý tài chính.

b/ Nhân tố khách quan: Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về quản lý tài chính, Phân cấp quản lý

tài chính tại cơ quan nhà nước, Các nhân tố về môi trường bên ngoài của hoạt động tài chính.

1.3. KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ BÀI HỌC CHO KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế, thể chế và chính sách

Thứ hai, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm việc tại các bộ phận quản lý tài chính, các cơ quan quản lý tài chính của Nhà nước

Thứ ba, thiết lập bộ máy quản lý tài chính tin gọn, chuyên nghiệp; tăng cường thực hiện hình thức khoán chi thường xuyên

Thứ tư, kết hợp nhiều giải pháp hỗ trợ nhằm quản lý tài chính minh bạch, hiệu quả

Thứ năm, tăng cường công tác thực hiện cơ chế khoán kinh phí hoạt động trên cơ sở số định biên của cơ quan nhà nước để đảm bảo linh hoạt hơn trong việc quản lý các khoản chi thường xuyên, giảm thủ tục hành chính trong các thanh quyết toán các khoản chi phí thường xuyên, tăng hiệu quả của việc tiết kiệm kinh phí thường xuyên tự chủ.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

2.1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 11/7/1994 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 70/CP về thành lập cơ quan KTNN. Luật KTNN được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XI thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006, mở ra một thời kỳ phát triển mới của KTNN với vị thế là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kiểm tra tài chính Nhà nước do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; thực hiện chức năng kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động đối với mọi cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức hoạt động

Hiện nay cơ quan KTNN đã có bộ máy tổ chức tập trung thống nhất với 32 đơn vị trực thuộc, gồm: 8 đơn vị tham mưu, 8 đơn vị KTNN chuyên ngành, 13 đơn vị KTNN khu vực, 3 đơn vị sự nghiệp công lập.

2.1.3. Kết quả hoạt động chủ yếu trong những năm gần đây

Trong giai đoạn 2017-2022, KTNN kiến nghị tăng thu, giảm chi NSNN 353.733 tỷ đồng; chuyển 20 vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan Cảnh sát điều tra để điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật, 02 vụ việc

đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Công an điều tra xử lý; cung cấp 498 hồ sơ, báo cáo kiểm toán và các tài liệu liên quan cho cơ quan của Quốc hội, Ủy ban kiểm tra Trung ương, cơ quan điều tra và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ 786 văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý sai quy định hoặc không phù hợp với quy định chung của Nhà nước và thực tiễn, góp phần làm lành mạnh nền tài chính quốc gia.

2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

2.2.1. Thực trạng cơ sở pháp lý trong quản lý tài chính tại Kiểm toán nhà nước

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.
- Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013.
- Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014.
- Nghị định số 66/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 quy định về chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán nhà nước.
- Thông tư số 16/2019/TT-BTC ngày 18/3/2019 Hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí được trích để thực hiện chế độ

ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của KTNN.

- *Quy chế* Chi tiêu nội bộ của Kiểm toán nhà nước theo Quyết định số 1006/QĐ-KTNN ngày 26/6/2017, Quyết định số 1991/QĐ-KTNN ngày 06/12/2021.

- Quyết định số 1930/QĐ-KTNN ngày 17/12/2019 về Phân cấp thẩm quyền mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công của Kiểm toán nhà nước.

2.2.2. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý tài chính tại Kiểm toán nhà nước

Bộ máy quản lý tài chính tại KTNN gồm 3 bộ phận gồm Ban Tài chính, Phòng Kế toán trực thuộc Văn phòng Kiểm toán nhà nước và Bộ phận kế toán tại các Kiểm toán nhà nước khu vực.

2.2.3. Thực trạng quản lý tài chính tại KTNN giai đoạn 2017-2022

2.2.3.1. Lập kế hoạch tài chính

a/ Lập dự toán các khoản thu

Trong tổng dự toán nguồn tài chính cơ cấu các nhiệm vụ như sau: (1) Kinh phí 5% không tự chủ chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng dự toán chi NSNN và có xu hướng tăng dần theo các năm với tỷ lệ từ 46% đến 59%. (2) Kinh phí thường xuyên tự chủ và không tự chủ chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong tổng dự toán chi thường xuyên và có xu hướng giảm dần theo các năm từ 50% xuống còn 41% do

tỷ lệ kinh phí 5% không tự chủ tăng lên. (3) Nguồn vay nợ nước ngoài chiếm tỷ trọng thấp và ổn định theo các năm với tỷ lệ trong khoảng 2% đến 3%, nguồn kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia là các dự án nước ngoài tài trợ, hiện nay KTNN còn thực hiện và theo dõi 2 dự án do nước ngoài tài trợ là Chương trình mở rộng vệ sinh nước sạch nông thôn 21 tỉnh và Chương trình nước sạch nông thôn 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng.

b/ Lập dự toán chi thường xuyên

Căn cứ lập dự toán chi thường xuyên của đơn vị sử dụng ngân sách dựa vào số biên chế được giao trong năm và các định mức chi thường xuyên theo quy định của Nhà nước và đã được cụ thể hóa bằng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Từ năm 2017 đến năm 2021 dự toán chi thường xuyên tăng nhẹ, giao động trong khoảng 1,02% đến 2,71% điều này cho thấy sự ổn định trong các nhiệm vụ chi thường xuyên của KTNN trong những năm này.

Riêng đối với năm 2022, cùng với việc thực hiện chủ trương của Nhà nước trong việc các cơ quan nhà nước, Bộ, ngành phải thực hiện tiếp tục đẩy mạnh việc quản lý chặt chẽ, tiết kiệm chi tiêu ngân sách nhà nước để giảm tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại chi NSNN để ưu tiên tăng chi đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 hướng tới mục tiêu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên bình quân khoảng 62 - 63% tổng chi NSNN, trong tổ chức thực hiện

phần đầu giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống khoảng 60%.

c/ Lập kế hoạch trích lập các quỹ

Quỹ thi đua, khen thưởng: Các năm gần đây thì KTNN trích theo tỷ lệ 12%-15% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công; nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân gần như không có chủ yếu là số trích trên tổng quỹ tiền lương.

Quỹ phúc lợi: Hàng năm KTNN thường trích lập Quỹ phúc lợi trong khoảng từ 11 đến 14 tỷ đồng và chi trả gần hết số đó trong năm, số dư còn lại chuyển qua các năm không đáng kể. Quỹ phúc lợi được chi hỗ trợ các hoạt động đoàn thể, hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm, trợ cấp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người lao động trong biên chế khi thực hiện tình giản biên chế, khám sức khỏe định kỳ.

Quỹ dự phòng ổn định thu nhập: Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được của KTNN sau khi chi cho các nội dung bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động, chi cho một số hoạt động phúc lợi tập thể, số còn lại để trích lập Quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức.

2.2.3.2. Thực hiện kế hoạch tài chính

a/ Thực hiện dự toán các khoản thu

Kinh phí hoạt động là kinh phí bảo đảm thực hiện các hoạt động thuộc chức năng và nhiệm vụ của KTNN gồm kinh phí hoạt động thường xuyên và kinh phí hoạt động không thường xuyên. Ngoài khoản kinh phí từ NSNN cấp, KTNN có nguồn kinh phí 5% theo chế độ ưu tiên của KTNN. Tỷ lệ thực hiện dự toán các năm đều đạt tỷ lệ cao, các năm đều đạt trên 90%.

b/ Thực hiện dự toán chi thường xuyên

Các nội dung chi tiết thuộc 3 nhóm nhiệm vụ chi chính gồm: Chi thanh toán cho cá nhân, Chi về hàng hóa, dịch vụ, Các khoản chi khác. Trong đó, cơ cấu của nhóm được phân bổ qua các năm *tập trung ở 2 nhóm chính là chi thanh toán cho cá nhân và chi về hàng hóa, dịch vụ chiếm trên 94% tổng số chi thường xuyên hàng năm, nhóm còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ dưới 6%*. Giai đoạn 2017-2022 KTNN ổn định về cơ cấu tổ chức và số lượng biên chế nên các khoản chi cho cá nhân gồm: lương, các khoản phụ cấp, tiền thưởng và các khoản phụ cấp khác... không có sự biến động nhiều qua các năm.

c/ Thực hiện sử dụng các quỹ

- *Quỹ thi đua, khen thưởng mỗi năm số trích lập và nhu cầu sử dụng giao động từ 7 đến 9 tỷ đồng, riêng năm 2019 số được sử dụng là 10.081trđ tăng 28,68% so với năm 2018 do năm 2019 là năm kỷ niệm 25 năm thành lập*

ngành KTNN nên có thêm nhiều hoạt động thi đua, khen thưởng chào mừng ngày lễ này.

- Quỹ phúc lợi phụ thuộc khá nhiều vào số được trích trong năm, số dư Quỹ còn không nhiều. Số trích lập và số sử dụng trong các năm tương đối ổn định do chính sách phúc lợi của KTNN những năm gần đây khá ổn định, không có nhiều sự biến động.

- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập được trích từ kinh phí tiết kiệm chưa sử dụng hết sau khi chi bổ sung thu nhập của người lao động, trích lập Quỹ phúc lợi, do KTNN ngoài nguồn bổ sung thu nhập từ Quỹ bổ sung thu nhập còn có nguồn kinh phí 5% nên KTNN không sử dụng nhiều Quỹ này dẫn đến số dư Quỹ các năm còn tương đối lớn, số dư cuối năm 2022 còn là 31.879 trđ.

2.2.3.3. Quyết toán tài chính

a/ Quyết toán các khoản thu

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí nguồn kinh phí 5% thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành.

b/ Quyết toán chi thường xuyên

Tỷ lệ chấp nhận quyết toán của KTNN rất cao, các năm tỷ lệ đều là xấp xỉ 100%, riêng năm 2017 đạt 100%. Số giảm quyết toán, thu hồi hàng năm rất thấp, năm 2017 là 0, năm 2018 là 87 triệu đồng, năm 2019 là 63 triệu đồng, năm 2020 là 72 triệu đồng, năm 2021 là 109 triệu

đồng và năm 2022 là 84 triệu đồng. Các số giảm quyết toán, thu hồi này do một số khoản chi cho cá nhân như chi công tác phí, chi phòng nghỉ còn chưa đảm bảo chứng từ thanh toán theo quy định, do đó phải thu hồi, giảm quyết toán.

c/ Quyết toán sử dụng các quỹ

Việc quyết toán các quỹ phải đảm bảo nguyên tắc nguồn từ quỹ nào thì chi cho những nội dung chi thuộc phạm vi chi của quỹ đó, phải đúng định mức theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và các định mức chi tại Quy chế chi tiêu nội bộ của KTNN.

2.2.3.4. Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính nội bộ

Sau khi nhận được báo cáo quyết toán của Văn phòng KTNN và các KTNN khu vực, Ban Tài chính của KTNN có trách nhiệm xét duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị cấp dưới. Ban Tài chính có trách nhiệm xét duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc, tổng hợp và lập báo cáo quyết toán của Kiểm toán nhà nước và gửi Bộ Tài chính thẩm định quyết toán.

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

2.3.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, Công tác quản lý tài chính cơ bản đã tuân thủ quy trình quản lý.

Thứ hai, Quản lý các khoản thu chi tài chính, quản lý quỹ cơ bản đã theo đúng định mức, thời gian và thủ tục theo hướng dẫn các văn bản.

Thứ ba, Bộ máy quản lý tài chính của KTNN đã có sự tinh gọn, cơ bản đáp ứng công tác quản lý tài chính.

Thứ tư, Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính đã đầy đủ, đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý của cơ quan nhà nước.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

* Công tác lập dự toán của một số đơn vị sử dụng ngân sách còn chưa kịp thời, số lập dự toán chưa sát với thực tế.

* Quản lý sử dụng các khoản thu, đặc biệt là khoản thu đặc thù còn chưa tiết kiệm, hiệu quả, số thu thực tế còn thấp hơn số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

* Số tiết kiệm chi thường xuyên hàng năm để trích lập các Quỹ có tăng, nhưng tăng lên không đáng kể.

* *Thủ tục hành chính cho công tác thanh quyết toán còn phức tạp, chưa có cơ chế linh hoạt đối với hoạt động đặc thù của ngành kiểm toán.*

* Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính nội bộ chưa được toàn diện, chưa công khai đầy đủ thuyết minh báo cáo quyết toán.

* Việc phân cấp quản lý chi thường xuyên còn chưa theo hướng phân cấp nhiều cho đơn vị sử dụng ngân sách để đảm bảo sự linh hoạt.

Chương 3

HOÀN THIỆN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Thứ nhất, quản lý chặt chẽ nguồn kinh phí đặc thù của Kiểm toán nhà nước.

Thứ hai, quản lý các khoản chi thường xuyên theo cơ chế tăng cường khoán chi và phân cấp nhiều xuống đơn vị sử dụng ngân sách.

Thứ ba, tăng cường tiết kiệm chi thường xuyên để tiết kiệm được nguồn kinh phí trích lập các Quỹ.

Thứ tư, hoàn thiện các văn bản nội bộ liên quan đến công tác quản lý tài chính.

Thứ năm, phát triển bộ máy tổ chức trong đó có đề án kiện toàn Ban Tài chính và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trình độ cán bộ làm công tác tài chính, kế toán.

Thứ sáu, phát triển cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

3.2.1. Nâng cao trách nhiệm bộ phận quản lý tài chính trong công tác lập dự toán, đảm bảo kịp thời và sát với thực tế

Cần nâng cao tinh thần trách nhiệm và trình độ của bộ phận kế toán tại các đơn vị sử dụng ngân sách để đảm bảo công tác lập dự toán kịp thời, sát với nhu cầu thực tế của đơn vị, loại bỏ tâm lý lập dự toán “cao hơn thực tế” để đối với đơn vị dự toán cấp trên là Ban Tài chính trong quá trình thẩm định được thuận lợi, dễ dàng và nhanh chóng hơn, tránh việc phải điều chỉnh giảm dự toán thu chi tài chính do đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp dưới đã lập.

3.2.2. Hoàn thiện quản lý các khoản thu đặc biệt là khoản thu từ phát hiện và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước

Tăng tỷ lệ thực hiện kiến nghị của các đơn vị được kiểm toán, đối với các đơn vị có biểu hiện, thái độ chây ì thì KTNN cần nghiên cứu xây dựng chế tài nếu thực hiện nộp chậm, nộp không đủ số tiền kiến nghị vào NSNN, ví dụ như: các chế tài là công khai danh sách các đơn vị không thực hiện kiến nghị của KTNN, xử phạt vi phạm hành chính tương ứng một tỷ lệ đối với các khoản chưa nộp...

3.2.3. Hoàn thiện quản lý các khoản chi thường xuyên

Để khắc phục những hạn chế về việc chuyển chứng từ thanh toán công tác phí của các Tổ, Đoàn kiểm toán chưa kịp thời do phải di chuyển liên tục giữa các địa phương thì bản thân Tổ, Đoàn kiểm toán phải nâng cao trách nhiệm

trong việc hoàn thiện hồ sơ thanh toán bằng việc chủ động liên hệ, trao đổi với Bộ phận kế toán của đơn vị để có hình thức gửi bộ chứng từ về Bộ phận kế toán an toàn, đảm bảo thông qua hình thức gửi cán bộ về cơ quan, chuyển fax nhanh, nhờ nhà cung cấp chuyển trực tiếp bộ chứng từ thanh toán về Bộ phận kế toán...

3.2.4. Thúc đẩy tiết kiệm các khoản chi thường xuyên để tăng kinh phí hành chính tiết kiệm và tăng trích lập các Quỹ

Để tăng được số trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm, các cơ quan nói chung và KTNN nói riêng phải có nhiều biện pháp để tiết kiệm triệt để kinh phí quản lý hành chính. Đặc biệt phải có nhiều biện pháp tuyên truyền phổ biến để nâng cao ý thức và trách nhiệm tiết kiệm của từng cán bộ, công chức và người lao động trong việc tiết kiệm chi phí văn phòng, chi phí hội nghị, công tác phí...

3.2.5. Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính nội bộ và công khai tài chính

** Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính nội bộ*

Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tài chính nội bộ là một trong những nội dung bảo đảm cho việc chấp hành ngân sách nghiêm minh, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, góp phần làm lành mạnh nền tài chính quốc gia. Mặc dù có nhiều cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra,

giám sát các hoạt động tài chính, nhưng vi phạm pháp luật vẫn luôn xảy ra.

** Đảm bảo tính minh bạch của công tác công khai tài chính:* Thực hiện nghiêm công khai tài chính nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện cho việc kiểm tra giám sát của nhân dân, trong việc sử dụng ngân sách.

3.2.6. Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý tài chính do Kiểm toán nhà nước ban hành

** Tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi Quy chế Chi tiêu nội bộ của KTNN*

Bên cạnh việc sửa đổi các nội dung và định mức chi, cần nghiên cứu sửa đổi các hình thức thanh toán và bộ chứng từ thanh toán để phù hợp với văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính nhưng cũng phải đảm bảo sự linh hoạt và phù hợp với tình hình hoạt động của KTNN là thường xuyên có các đoàn đi công tác tại nhiều địa phương và trong thời gian dài, đặc biệt lưu ý ở nhiều địa bàn việc đảm bảo đúng các điều kiện về hóa đơn, chứng từ thanh toán thực tế gặp khó khăn thì có thể nghiên cứu cho bổ sung hình thức khoán chi...

** Tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi Quy chế về việc phân cấp thẩm quyền mua sắm và quản lý chi phí*

Bổ sung và hoàn thiện các văn bản phục vụ cho công tác điều hành cơ quan như Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế

về việc phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công cũng cần được rà soát, sửa đổi để phù hợp hơn theo hướng tăng thẩm quyền của các đơn vị trực thuộc KTNN lên để đảm bảo tính linh hoạt, chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ chi của đơn vị.

3.2.7. Hoàn thiện về tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính

** Kiện toàn về tổ chức bộ máy quản lý tài chính*

Theo Nghị Quyết số 999/2020/UBTVQH14 về Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030 (giai đoạn 2021-2030) trong đó có nội dung “*Trong giai đoạn 2021-2025, xây dựng Đề án, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc nâng cấp Ban Tài chính hiện nay đang trực thuộc Văn phòng KTNN thành Vụ Tài chính*”.

** Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý tài chính*

Nâng cao chất lượng bộ máy cán bộ quản lý tài chính phải được coi là trách nhiệm của Lãnh đạo KTNN và Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách.

3.2.8. Nhóm các giải pháp hỗ trợ khác

** Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý tài chính.*

** Nghiên cứu, ứng dụng mô hình quản lý tài chính theo kết quả đầu ra.*

* Tăng cường nghiên cứu, tổng kết và ứng dụng kinh nghiệm quản lý tài chính thông qua hoạt động kiểm toán tài chính tại các cơ quan nhà nước.

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị với Quốc hội

- Tiếp tục giám sát KTNN trong việc thực hiện Đề án nâng cấp Ban Tài chính thành Vụ Tài chính với mục đích Vụ Tài chính là đơn vị cấp Vụ được đưa vào kế hoạch thành lập để kiện toàn tổ chức bộ máy của KTNN theo hướng chuyên nghiệp.

- Tiếp tục cho phép KTNN được thực hiện *chế độ tài chính đặc thù theo hướng điều chỉnh để phù hợp với lộ trình của Đề án vị trí việc làm nhằm động viên kịp thời cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong điều kiện mới.*

3.3.2. Kiến nghị với Chính phủ

Kiến nghị Chính phủ tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước để tăng sự chủ động cho các cơ quan, khuyến khích cán bộ, công chức, người lao động tại các cơ quan nhà nước làm việc hiệu quả.

KẾT LUẬN

Với mục đích nghiên cứu đặt ra là đề xuất các giải pháp có căn cứ khoa học, có tính khả thi nhằm hoàn thiện quản lý tài chính tại Kiểm toán nhà nước Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2040, luận án đã giải quyết được các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, Hệ thống hóa, làm sâu sắc thêm khung cơ sở lý luận về quản lý tài chính tại cơ quan nhà nước.

Thứ hai, Khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng quản lý tài chính tại KTNN, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong quản lý tài chính tại Kiểm toán nhà nước thời gian vừa qua.

Thứ ba, Nghiên cứu và đề xuất 8 nhóm giải pháp và 2 nhóm kiến nghị để tăng cường công tác quản lý tài chính của KTNN trong thời gian đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2040.

Với những đề xuất và kiến nghị đã nêu, tác giả hi vọng những nội dung này sẽ có những đóng góp tích cực góp phần hoàn thiện quản lý tài chính tại Kiểm toán nhà nước Việt nam nói riêng cũng như là những gợi ý mang tính định hướng cho công tác quản lý tài chính tại các cơ quan nhà nước, các đơn vị cung cấp dịch vụ công nói chung. Những hạn chế trong luận án sẽ là cơ sở và gợi ý cho những công trình nghiên cứu tiếp theo./.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA NCS NGUYỄN THANH HUỆ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Tên báo cáo: **Accounting and Auditing profession in the industrial revolution 4.0: Issues and implication for Vietnam**, công bố tháng 11/2019 tại Hội thảo quốc tế INTERNATIONAL FINANCE AND ACCOUNTING RESEARCH CONFERENCE. Vai trò của NCS: Thành viên.

2. Tên báo cáo: **Priority state budget management in the State audit office of Vietnam**, công bố tháng 11/2021 tại Hội thảo quốc tế THE THIRD INTERNATIONAL CONFERENCE ON FINANCE AND ACCOUNTING FOR THE PROMOTION OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN PRIVATE SECTOR (FASPS-3). Vai trò của NCS: Tác giả chính.

3. Tên báo cáo: **Recurrent public expenditure management: Case of the State audit office of Vietnam**, công bố tháng 11/2021 tại Hội thảo quốc tế THE THIRD INTERNATIONAL CONFERENCE ON FINANCE AND ACCOUNTING FOR THE PROMOTION OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN PRIVATE SECTOR (FASPS-3). Vai trò của NCS: Tác giả độc lập.

4. Tên báo cáo: **Management of the establishment and use of financial funds at the State audit office of Vietnam**, công bố tháng 8/2022 tại Hội thảo quốc tế PROCEEDINGS THE FIFTH INTERNATIONAL CONFERENCE ON SUSTAINABLE ECONOMIC DEVELOPMENT AND BUSINESS MANAGEMENT IN THE CONTEXT OF GLOBALISATION (SEDBM-5). Vai trò của NCS: Tác giả độc lập.